SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐK XANH PÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1525/QĐ-BVĐKXP

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua vật tư y tế năm 2026 – lần 9

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA XANH PÔN

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 8/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị Y tế; Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1458/QĐ-BVĐKXP ngày 27 tháng 8 năm 2026 về việc phê duyệt dự toán mua sắm Mua vật tư y tế năm 2026 – lần 9;

Theo đề nghị của Hội đồng mua sắm tại tờ trình số 3890/TTR-HĐMS ngày 03 tháng 9 năm 2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm Mua vật tư y tế năm 2026 – lần 9.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua vật tư y tế năm 2026 – lần 9 với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, DUOC.

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA XANH PÔN

Nguyễn Đức Long

PHỤ LỤC

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Dự toán mua sắm: Mua vật tư y tế năm 2026 – lần 9

(Kèm theo Quyết định số: 1525 /QĐ-BVĐKXP ngày 08 tháng 9 năm 2026)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn	Gói thầu số 19: Mua vật tư cho các khoa/phòng trong bệnh viện	Gói thầu gồm 62 mặt hàng được chia thành 57 phần Mua vật tư cho các khoa/phong trong bệnh viện	30.639.140.000 đồng	Nguồn thu hoạt động thường xuyên	Đấu thầu rộng rãi/ Qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	150 ngày	Quý III năm 2026	Đơn giá cố định	24 tháng	Tổng số 59 mặt hàng. Giá trị ước tính 8.975.121.500 đồng. Chi tiết tại phụ lục danh mục hàng hóa
2	Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn	Gói thầu số 20: Mua chỉ phẫu thuật không tiêu	Gói thầu gồm 13 mặt hàng được chia thành 13 phần Mua chỉ phẫu thuật không tiêu	1.742.907.860 đồng	Nguồn thu hoạt động thường xuyên	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn		45 ngày	Quý III năm 2026	Đơn giá cố định	24 tháng	Không áp dụng
Tổng giá				32.382.047.860 **đồng**								

Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ ba trăm tám mươi hai triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi đồng chẵn./.

(Giá trên đã bao gồm thuế GTGT, phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có))

PHỤ LỤC I

Danh mục chi tiết Gói thầu số 19: Mua vật tư cho các khoa/phòng trong bệnh viện

Đính kèm Quyết định số: 1525/QĐ-BVĐKXP ngày 08 tháng 9 năm 2026

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền tùy chọn mua thêm (VNĐ)
1	Bộ dụng cụ lấy huyết khối	Bộ dụng cụ lấy huyết khối dùng trong mạch vành, bao gồm: Ống hút huyết khối đầu vát đường kính 6F, chiều dài ≥145cm; bơm hút; 2 khay lọc; Dây ống nối có khóa 2 chiều	G7	Bộ	50	6.930.000	346.500.000	15	103.950.000
2	Stent lấy huyết khối trong can thiệp mạch não	Stent: chất liệu nitinol, dạng mắt lưới Đường kính có tối thiểu 3 cỡ nằm trong khoảng từ 2.5 mm đến 6.0mm Chiều dài có tối thiểu 4 cỡ nằm trong khoảng từ 15mm đến 50mm. Stent tương thích với mạch máu đường kính ≤ 5.5mm.	G7 hoặc Châu Âu	Cái	5	39.000.000	195.000.000	1	39.000.000
3	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số chụp cộng hưởng từ toàn thân	Bộ Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số chụp cộng hưởng từ MRI ≥1.5 Tesla toàn thân. Bộ máy gồm: 1 thân máy chính, 1 dây dẫn tín hiệu, 1 introducer - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay. - Tuổi thọ pin ≥ 10 năm. - Thời gian: Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim ≥14 phút		Cái	5	46.000.000	230.000.000	1	46.000.000
4	Bộ Máy tạo nhịp 2 buồng cấp cứu đáp ứng tần số chụp được MRI toàn thân	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số chụp được MRI ≥1.5 Tesla toàn thân - Bộ máy gồm: Thân Máy chính , 02 dây dẫn tín hiệu, 02 introducer - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay. - Thời gian: Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim ≥14 phút.		Cái	30	81.000.000	2.430.000.000	9	729.000.000

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền tùy chọn mua thêm (VNĐ)
5	Bộ dụng cụ đo và thả dù đóng lỗ thông liên nhĩ, thông liên thất, đóng còn ống động mạch	Bộ dụng cụ đo và thả dù đóng lỗ thông liên nhĩ, thông liên thất, đóng còn ống động mạch bao gồm: 1 ống dẫn + 1 que nong + 1 bộ truyền + 1 van cầm máu và 1 cáp thả. Đường kính ngoài: 7 cỡ trong khoảng từ 6Fr đến 14 Fr. Nhiều kiểu đầu cong can thiệp khác nhau Đạt tiêu chuẩn FDA (Mỹ) hoặc PMDA hoặc CE (Châu Âu)		Bô	7	5.650.000	39.550.000	2	11.300.000
6	Bóng đo kích thước thông liên nhĩ	Bóng có kích cỡ khi chưa nong là 24 và 34mm, có marker đánh dấu. Tiêu chuẩn FDA (Mỹ) hoặc PMDA hoặc CE (Châu Âu)		Cái	10	2.500.000	25.000.000	3	7.500.000
7	Dù bít thông liên nhĩ	Chất liệu: Nitinol tráng Platinum. Kích cỡ có tối thiểu 7 kích cỡ nằm trong khoảng từ 8 mm đến 40 mm Tiêu chuẩn FDA (Mỹ) hoặc PMDA hoặc CE (Châu Âu)		Cái	10	33.800.000	338.000.000	3	101.400.000
8	Bóng nong động mạch vành loại chuyên dụng cho CTO	- Bóng nong động mạch vành chuyên dụng cho tổn thương tắc hoàn toàn mãn tính: Áp suất thường ≤ 5 bar. Áp suất tối đa ≥ 15 bar - Chất liệu bóng: Polyamide - Tương thích với catheter 5F. - Phủ lớp ái nước. - Đầu típ thuôn, dài 3mm. - Đường kính bóng: Có ≥3 cỡ trong khoảng từ 1mm đến 1.5mm. Chiều Dài: Có ≥3 cỡ trong khoảng từ 10mm đến 20mm	Châu Âu	Cái	30	6.500.000	195.000.000	9	58.500.000

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền tùy chọn mua thêm (VNĐ)
9	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Bóng nong động mạch vành áp lực cao có cấu trúc 3 lớp - Áp lực thường ≥12atm. Áp lực tối đa ≥ 22atm - Đường kinh đầu típ ≤ 0.45mm - Độ dài trục khả dụng ≥ 145 cm - Có phủ ái nước - Đường kính bóng có tối thiểu 11 kích cỡ nằm trong khoảng từ 2.0mm đến 5.0mm. - Chiều dài bóng có tối thiểu 6 kích cỡ nằm trong khoảng từ 6m đến 30mm	G7	Cái	200	5.250.000	1.050.000.000	60	315.000.000
10	Bóng nong mạch vành sử dụng sóng xung kích nội mạch loại 1	Bóng phá mảng vôi hóa nội mạch vành bằng sóng xung kích Đường kính bóng tối thiểu 7 cỡ trong khoảng từ 2.5mm đến 4mm Chiều dài bóng ≥12mm Chiều dài catheter ≥135cm, tương thích dây dẫn 0.014" và ống thông 6F Áp lực thường ≥ 6atm, Áp lực vỡ bóng ≥12atm Đạt tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		Cái	15	39.000.000	585.000.000	4	156.000.000

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền tùy chọn mua thêm (VNĐ)
11	Bóng nong mạch vành sử dụng sóng xung kích nội mạch loại 2	Bóng phá mảng vôi hóa nội mạch vành bằng sóng xung kích - Chiều dài hoạt động: ≥140cm - Bóng có 2 lớp: Nylon và Pebax - Đường kính bóng tối thiểu 9 cỡ trong khoảng từ 2.0mm đến 4mm - Chiều dài bóng có 2 cỡ : trong khoảng từ 12mm đến 15mm - Áp lực thường ≥ 6 atm - Áp lực vỡ bóng ≥ 20 atm - Đầu xa có hai điểm đánh dấu cản quang - Tương thích dây dẫn 0.014" và ống thông 5F		Cái	5	49.000.000	245.000.000	1	49.000.000
12	Bóng nong mạch não loại 2 nòng	Bóng nong được gắn trong ống thông 2 nòng, dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ. Đường kính bóng nong có tối thiểu 6 kích thước trong khoảng từ 1.5mm đến 4.0mm; chiều dài bóng nong có tối thiểu 2 kích thước trong khoảng từ 8mm đến 15mm. Đường kính trong của ống có kích thước trong khoảng từ 0.0165"đến 0.017". Chiều dài ống ≥150cm. Áp lực thường ≥ 5.5 atm	G7	Cái	10	21.000.000	210.000.000	3	63.000.000
13	Bóng tắc mạch dùng trong can thiệp mạch não ở vị trí mạch thẳng	Bóng tắc mạch dùng để chèn cổ túi phình trong nút phình động mạch não cổ rộng vị trí mạch thẳng. Đường kính bóng ≥ 4mm, chiều dài bóng ≥ 15mm. Kèm dây dẫn.	G7	Cái	5	17.000.000	85.000.000	1	17.000.000

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền tùy chọn mua thêm (VNĐ)
14	Catheter chụp mạch não	Catheter chụp mạch não. Cỡ 5F (có đường kính trong ≥ 1.2mm); cỡ 6F (có đường kính trong ≥ 1.3mm). Sử dụng được với dây dẫn 0,038". Chiều dài tối thiểu có 2 cỡ nằm trong khoảng từ 100cm đến 120cm. Chịu được áp lực tối đa ≥1000 psi. Có tối thiểu kiểu đầu như hình minh họa số 2.	G7	Cái	100	945.000	94.500.000	30	28.350.000
15	Dây dẫn can thiệp mạch thần kinh	Chất liệu thép không gỉ, đường kính 0.014". Dài ≥ 200cm. Đoạn phủ ái nước≥ 38cm.	Châu Âu	Cái	20	5.750.000	115.000.000	6	34.500.000
16	Dây dẫn đường kính 0.035" dài 260cm	Dây dẫn có đường kính 0.035". Độ cứng của thân dây dẫn: Có 2 loại khác nhau Cấu tạo: - Lõi là hợp kim Nitinol - Lớp ngoài là Polyurethane - Lớp phủ ái nước - Chiều dài dây dẫn: ≥ 260cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: ≥ 3cm - Hình dạng đầu tip: đầu cong (như hình ảnh minh họa số 1), đầu thẳng Đạt tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	ASEAN	Cái	150	630.000	94.500.000	45	28.350.000
17	Dù bảo vệ chống tắc mạch ngoại vi	Dù bảo vệ chống tắc mạch ngoại vi. Dây dẫn gắn lưới lọc hình chóp nón, kèm ống thông dẫn và thu hồi, đường kính lưới lọc (filter) tối thiểu có cỡ 5; 6; 7mm, độ dài dây dẫn ≥ 320cm Chất liệu lưới lọc: Nitinol. Lưới lọc được phủ heparin (chất chống đông). Có ≥1 marker đầu gần và ≥1 marker đầu xa.	G7	Cái	23	26.000.000	598.000.000	6	156.000.000

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền tùy chọn mua thêm (VNĐ)
18	Dụng cụ lấy dị vật trong lòng mạch đường kính lớn	- Cấu tạo: 3 vòng tròn độc lập phủ chất cản quang - Lõi dây bằng hợp kim nitinol. - Chiều dài ống thông: ≥ 100cm.	G7	Cái	2	8.400.000	16.800.000	-	-
19	Dụng cụ lấy dị vật trong lòng mạch đường kính nhỏ	Dụng cụ lấy dị vật trong lòng mạch não, chất liệu nitinol. - Đường kính có tối thiểu 3 cỡ: 2mm; 4mm; 7mm. - Chiều dài ống thông tối thiểu 2 cỡ nằm trong khoảng từ 150mm đến 175mm - Có marker cản quang.	G7	Cái	3	14.500.000	43.500.000	-	-
20	Khung giá đỡ (Stent) chuyển hướng dòng chảy cho can thiệp điều trị phình mạch não	Stent chuyển hướng dòng chảy dùng trong can thiệp điều trị phình mạch não, chất liệu nitinol, có lớp phủ chống huyết khối, đường kính có tối thiểu 10 cỡ trong khoảng từ 2.5mm đến 8mm, chiều dài có tối thiểu 7 cỡ trong khoảng từ 15mm đến 60mm. Sử dụng được với ống thông có đường kính trong ≥ 0.017".	G7	Cái	10	172.000.000	1.720.000.000	3	516.000.000
21	Ống thông dẫn đường can thiệp thần kinh	Ống thông dẫn đường can thiệp thần kinh. Đường kính ngoài 6F. Đường kính trong ≥ 0.071". Chiều dài: ≥ 115cm. Có loại đầu đa dụng (Multipurpose).	G7	Cái	15	15.700.000	235.500.000	4	62.800.000
22	Ống thông dẫn đường cho can thiệp mạch não 2 nòng	Ống thông 2 nòng hỗ trợ can thiệp mạch não. Nòng ngoài 6F đi với nòng trong 5F. Chiều dài ống thông: Nòng ngoài ≥ 95cm, nòng trong ≥115cm. Nòng trong phải dài hơn nòng ngoài tối thiểu 20cm.	G7	Cái	70	5.980.000	418.600.000	21	125.580.000
23	Ống thông hút huyết khối mạch máu não loại 1	Ống hút huyết khối trong lòng mạch máu não Đầu xa mềm, có thể uốn tạo hình với dụng cụ đi kèm. Đường kính trong ≥ 0.070" Chiều dài hoạt động: tối thiểu 2 cỡ trong khoảng từ 125cm đến 135cm	OECD	Cái	35	27.250.000	953.750.000	10	272.500.000

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền tùy chọn mua thêm (VNĐ)
24	Ống thông hút huyết khối mạch máu não loại 2	Ống hút huyết khối trong lòng mạch máu não Đầu xa mềm, có thể uốn tạo hình với dụng cụ đi kèm. 0.055" ≤ Đường kính trong < 0.060" Đường kính ngoài đầu gần: ≤ 0.068" Chiều dài hoạt động: tối thiểu 2 cỡ trong khoảng từ 115cm đến 125cm Chiều dài đầu xa: ≥ 17cm	OECD	Cái	5	27.000.000	135.000.000	1	27.000.000
25	Ống thông hút huyết khối mạch não loại 3	Ống hút huyết khối, chất liệu Nitinol từ đầu đến cuối. Đường kính trong có 2 cỡ: 0.068" và 0.071". Chiều dài: ≥132cm	G7	Cái	15	27.250.000	408.750.000	4	109.000.000
26	Ống thông mang bóng	Ống thông mang bóng - Đường kính trong ≥ 0.087" - Chiều dài làm việc tối thiểu có 2 cỡ ≥ 85cm - Đường kính bóng có 3 cỡ trong khoảng từ: 6mm đến 10mm. Chiều dài bóng: 10mm (±10%) - Có lớp phủ ưa nước dài ≥ 19cm Đạt tiêu chuẩn: FDA (Mỹ)		Cái	5	29.000.000	145.000.000	1	29.000.000
27	Vật liệu nút mạch tắc tạm thời chất liệu gelatin dạng vi hạt	- Vật liệu nút mạch tạm thời chất liệu gelatin dạng vi hạt. - Kích thước hạt: có tối thiểu 6 kích cỡ nằm trong khoảng từ 150µm đến 3500µm. - Đóng gói: ≥150mg /lọ hoặc xi lanh	OECD	Cái	60	2.550.000	153.000.000	18	45.900.000
28	Vật liệu nút mạch tạm thời chất liệu gelatin dạng vi cầu	-Vật liệu nút mạch tạm thời chất liệu gelatin dạng vi cầu - Kích thước hạt vi cầu có tối thiểu 4 kích cỡ trong khoảng từ 100µm đến 900µm - Đóng gói: ≥ 250mg /lọ (hoặc xi lanh)	OECD	Lọ	60	3.950.000	237.000.000	18	71.100.000

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền tùy chọn mua thêm (VNĐ)
29	Vi ống thông can thiệp mạch não có lớp phủ ưa nước	Vi ống thông can thiệp mạch não có lớp phủ ưa nước, trong lòng ống có lớp phủ PTFE. Đường kính trong có tối thiểu 3 cỡ trong khoảng 0.0165" đến 0.027". Chiều dài tối thiểu 3 cỡ trong khoảng từ 155cm đến 170cm, đầu típ có ≥1 marker	G7	Cái	15	9.980.000	149.700.000	4	39.920.000
30	Kim chọc dò cỡ 16G	Chất liệu cản quang FEP, không cánh, không cổng. Mũi vát 3 mặt cắt, Buồng báo máu trong suốt. Khả năng cản quang. Kích cỡ: 16G, chiều dài catheter trong khoảng từ 130-150mm. Đạt tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	OECD	Cái	800	87.000	69.600.000	240	20.880.000
31	Thủy tinh thể nhân tạo đa tiêu cự, ngậm nước loại I	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, phi cầu, đa tiêu cự. Chất liệu: Hydrophilic Acrylic (ngậm nước). Lọc tia cực tím (UV), nhiễu xạ, các bậc nhiễu xạ nằm ở vùng trung tâm ≤ 4mm. Hằng số A ≤ 118.5. Chỉ số khúc xạ ≤ 1.46. Đặc điểm càng: 4 càng cùng chất liệu với vùng quang học, Góc càng ≤ 5 độ, Bờ vuông liên tục 360 độ. Đường kính optic: 6mm ±5%, đường kính tổng 11mm ± 5%. Dải công suất từ 5D đến 35.0D. Từ 5D đến 30.0D bước tăng 0.5D. Từ 30.0D đến 35.0D bước tăng 1.0D. Kích thước vết mổ ≤ 2.2 mm. Vùng quang học thiết kế theo công nghệ phi cầu giảm nhiễu xạ . Công suất bổ sung: từ +3.0D đến + 3.5D. Thủy tinh thể được lắp sẵn trong cartridge . Có tối thiểu 1 giấy phép lưu hành tự do (CFS) được cấp bởi một trong các nước thuộc Châu Âu Yêu cầu cung cấp trợ cụ (súng) tương thích để sử dụng với kính.		Cái	800	8.860.000	7.088.000.000	240	2.126.400.000

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền tùy chọn mua thêm (VNĐ)
32	Thủy tinh thể nhân tạo đa tiêu cự, ngậm nước loại II	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, đa tiêu cự, kéo dài tiêu cự hoặc lấy nét liên tục. Chất liệu hỗn hợp Acrylic, ngậm nước ≥25%. Lọc tia UV, kính trong suốt (không màu). Hằng số A ≤ 119; Chỉ số khúc xạ ≤ 1.46 . Thiết kế càng chữ C dạng kép, góc càng ≤ 5 độ; Bờ vuông liên tục 360 độ, Đường kính optic: 6mm ± 5%, đường kính tổng 12mm ± 5%. Thiết kế phi cầu, nguyên lý khúc xạ kết hợp cầu sai. Dải công suất từ 5.0D đến 30.0D với bước tăng 0.5D. Công suất bổ sung từ +2.50D đến +3.0D. Kích thước vết mổ ≤ 2.2 mm. Thủy tinh thể được lắp sẵn trong cartridge. Yêu cầu cung cấp trợ cụ (súng) tương thích để sử dụng với kính.	G7 hoặc EU	Cái	300	16.500.000	4.950.000.000	90	1.485.000.000
33	Bộ lọng thắt cuống polyp ống tiêu hóa tay cầm lắp sẵn	Bộ thắt cuống polyp ống tiêu hóa tay cầm lắp sẵn bao gồm; cán tay cầm, thân lọng thắt, đầu thắt cuống polyp cầm máu đường tiêu hóa. Độ mở trong khoảng từ 30mm đến 35mm Chiều dài làm việc từ ≥ 230cm. Dụng cụ đi được vào kênh làm việc của dây soi có đường kính 2.8mm.	G7	Cái	50	1.390.000	69.500.000	15	20.850.000
34	Kìm sinh thiết cho nội soi đường tiêu hóa	Kìm sinh thiết cho nội soi đường tiêu hóa tay cầm lắp sẵn. Chiều dài có tối thiểu 2 cỡ nằm trong khoảng từ 1600mm đến 2300mm (bắt buộc có cỡ 2300mm). Đường kính thân kìm có 2 cỡ: 1.8mm và 2.3mm Sử dụng phù hợp kênh sinh thiết ≥ 2.8mm, sử dụng 1 lần. Đạt tiêu chuẩn: CE		Cái	2000	90.000	180.000.000	600	54.000.000
35	Điện cực (lưỡi dao) hình vòng cắt u xơ tiền liệt tuyến, loại đơn cực	Là loại điện cực đơn cực dùng nhiều lần. Dùng cho ống soi 30 độ. Phù hợp với nhiều loại tay cắt	G7	Cái	140	2.450.000	343.000.000	42	102.900.000

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền tùy chọn mua thêm (VNĐ)
36	Kẹp gắp sỏi	Loại cứng hoặc bán cứng, dùng cho gắp mảnh sỏi, hàm hoạt động kép, có tối thiểu 2 cỡ: cỡ 4.0Fr và cỡ 5.0Fr, chiều dài ≥ 60 cm	G7	Cái	10	14.800.000	148.000.000	3	44.400.000
37	Rọ lấy dị vật khí phế quản	Rọ xoắn 4 dây dùng để lấy dị vật khí phế quản. Chiều dài 1150mm. Sử dụng được với ống nội soi phế quản có đường kính kênh làm việc 1.2mm	G7	Cái	3	9.600.000	28.800.000	-	-
38	Ống nong dẫn đường dùng trong phẫu thuật hút máu tụ, u não	Ống nong dẫn đường dùng trong phẫu thuật u não các cỡ: - Chất liệu Nhựa trong suốt. - Chiều dài các cỡ trong khoảng 30mm - 70mm. - Đường kính có tối thiểu 3 cỡ trong khoảng 6mm - 28mm, chiều dài có tối thiểu 2 cỡ nằm trong khoảng từ 30mm đến 70mm - Tương thích với đầu dò định vị trong phẫu thuật dưới định vị hình ảnh (Image-Guided Surgery, IGS) - Có thiết kế kẹp căn chỉnh, gắn chặt vào ống dẫn và giữ kẹp cố định.	G7	Cái	50	10.000.000	500.000.000	15	150.000.000
39	Keo cầm máu	Keo cầm máu. Thành phần gồm: Một xilanh/lọ chất nền gelatin có nguồn gốc từ động vật. Một lọ bột thrombin có nguồn gốc từ người. Một lọ dung dịch muối clo Các phụ kiện đi kèm như: bơm tiêm, đầu tiêm, bộ nối Luer… Dung tích ≥ 5ml	G7	Hộp	250	8.470.000	2.117.500.000	75	635.250.000

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền tùy chọn mua thêm (VNĐ)
40	Chỉ thị hóa học đa thông số (3 thông số) kiểm soát quá trình tiệt khuẩn bằng hơi nước	"- Chỉ thị hóa học sử dụng để kiểm soát đánh giá hiệu quả tiệt khuẩn bên trong mỗi gói dụng cụ - Kiểm soát đồng thời 3 thông số: thời gian, nhiệt độ, hơi nước - Kiểm soát chất lượng tiệt khuẩn gói dụng cụ của tất cả các chu trình tiệt khuẩn bằng hơi nước từ 121–135°C - Kích thước ≥ 5.1cm x 1.9cm. - Sản phẩn không chứa các kim loại nặng tối thiểu là chì (Pb) Đạt chiêu chuẩn FDA		Miếng	27.400	2.950	80.830.000	8.220	24.249.000
41	Chỉ thị sinh học cho máy tiệt khuẩn hơi nước	- Dùng kiểm tra chất lượng chu trình tiệt khuẩn lò chân không từ 132°C đến 135°C. - Ống thử sinh học có hình dạng ống kín, bên trong có chứa chủng Geobacillus stearothermophilus. - Thời gian cho kết quả ≤ 25 phút. - Trên ống chỉ thị tích hợp chỉ thị hóa học cho tiệt khuẩn hơi nước (chuyển sang màu sau tiệt trùng) Đạt tiêu chuẩn FDA. Cung cấp thiết bị (máy đọc) dùng cùng với test.		Ống	3.500	101.000	353.500.000	1.050	106.050.000

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền tùy chọn mua thêm (VNĐ)
42	Gói thử chức năng của máy hấp ướt	- Gói chỉ thị hóa học Bowie & Dick cho tiệt trùng hơi nước. - Phát hiện: tồn dư không khí trong buồng máy tiệt khuẩn . - Gói chứa test và tờ cảnh báo sớm cho máy tiệt khuẩn. Tờ cảnh báo sớm phát hiện lỗi loại bỏ không khí trước khi lỗi này xuất hiện trên tấm kiểm tra chính - Vạch chỉ thị sẽ chuyển màu theo hướng dẫn của nhà sản xuất nếu tiệt khuẩn đạt. Sản phẩm không chứa các kim loại nặng tối thiểu là chì (Pb) - Dùng cho máy hơi nước hút chân không - chu trình tiệt khuẩn 132-134 độ C. Đạt tiêu chuẩn FDA		Gói	3.500	89.000	311.500.000	1.050	93.450.000
43	Que lấy mẫu ATP giám sát bề mặt môi trường	Que đo kiểm tra ATP bề mặt sử dụng tăm bông để thu thập mẫu từ bề mặt cần kiểm tra, đánh giá hiệu quả của quy trình vệ sinh. Cung cấp thiết bị dùng cùng với que test		Que	500	179.000	89.500.000	150	26.850.000
44	Que lấy mẫu ATP giám sát sau làm sạch dụng cụ phẫu thuật, dụng cụ nội soi thông qua môi trường nước	Que đo kiểm tra ATP mẫu nước được sử dụng để tiến hành đánh giá chất lượng làm sạch dụng cụ nội soi Cung cấp trang thiết bị dùng cùng với que test		Que	500	189.250	94.625.000	150	28.387.500
45	Túi đựng dịch thải	Được dùng để thu thập dịch thải trong khi thực hiện CRRT. Chất liệu PVC. Thể tích 5 lít	Châu Âu	Cái	240	235.000	56.400.000	72	16.920.000

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền tùy chọn mua thêm (VNĐ)
46	Giấy cuộn hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp với chỉ thị hóa học kích thước 100mm x 70m	Cấu tạo bằng giấy thuộc chủng loại Tyvek, polyethylene... Có chỉ thị hóa học chuyển màu sau khi tiệt khuẩn đạt. Kích thước ≥ 100mm x 70m		Cuộn	100	505.000	50.500.000	30	15.150.000
47	Giấy cuộn hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp với chỉ thị hóa học kích thước 150mm x 70m	Cấu tạo bằng giấy thuộc chủng loại Tyvek, polyethylene... Có chỉ thị hóa học chuyển màu sau khi tiệt khuẩn đạt. Kích thước ≥ 150mm x 70m		Cuộn	56	705.000	39.480.000	16	11.280.000
48	Giấy cuộn hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp với chỉ thị hóa học kích thước 200mm x 70m	Cấu tạo: bằng giấy thuộc chủng loại Tyvek, polyethylene... Có chỉ thị hóa học chuyển màu sau khi tiệt khuẩn đạt. Kích thước ≥ 200mm x 70m.		Cuộn	125	935.000	116.875.000	37	34.595.000
49	Giấy cuộn hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp với chỉ thị hóa học kích thước 250mm x 70m	Cấu tạo bằng giấy thuộc chủng loại Tyvek, polyethylene... Có chỉ thị hóa học chuyển màu sau khi tiệt khuẩn đạt. Kích thước ≥ 250mm x 70m.		Cuộn	56	1.180.000	66.080.000	16	18.880.000
50	Giấy cuộn hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp với chỉ thị hóa học kích thước 350mm x 70m	Cấu tạo bằng giấy thuộc chủng loại Tyvek, polyethylene... Có chỉ thị hóa học chuyển màu sau khi tiệt khuẩn đạt. Kích thước ≥ 350mm x 70m.		Cuộn	125	1.600.000	200.000.000	37	59.200.000

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền tùy chọn mua thêm (VNĐ)
51	Giấy cuộn hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp với chỉ thị hóa học kích thước 400mm x 70m	Cấu tạo bằng giấy thuộc chủng loại Tyvek, polyethylene... Có chỉ thị hóa học chuyển màu sau khi tiệt khuẩn đạt. Kích thước ≥ 400mm x 70m.		Cuộn	200	1.915.000	383.000.000	60	114.900.000
52	Vít xốp rỗng nòng 6.5mm toàn ren	Vít xốp rỗng nòng, có ren toàn bộ phần thân. Chất liệu Titanium hoặc hợp kim Titanium. Đường kính 6.5mm: Chiều dài tối thiểu 3 cỡ trong khoảng từ 30mm đến 50mm		Cái	120	800.000	96.000.000	36	28.800.000
53	**Bộ nẹp tăng áp bản nhỏ**			**Bộ**			**128.000.000**	-	**38.400.000**
53.1	Nẹp tăng áp bản nhỏ	Nẹp tăng áp bản nhỏ. Chất liệu thép không gỉ. Tối thiểu có 4 cỡ trong khoảng từ 6 lỗ đến 12 lỗ, tương thích với vít xương cứng đường kính 3.5mm. Yêu cầu: cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa.		Cái	200	325.000	65.000.000	60	19.500.000
53.2	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	Vít xương cứng đường kính 3.5mm. Chất liệu thép không gỉ. Chiều dài vít: có tối thiểu 7 cỡ trong khoảng từ 14 - 30mm. Yêu cầu: cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa.		Cái	1.500	42.000	63.000.000	450	18.900.000
54	**Bộ nẹp tăng áp bản hẹp loại 1**			**Bộ**	-		**53.680.000**	-	**16.104.000**
54.1	Nẹp tăng áp bản hẹp	Nẹp tăng áp bản hẹp. Chất liệu thép không gỉ Có tối thiểu 5 cỡ nằm trong khoảng từ 6 lỗ đến 14 lỗ tương thích với vít xương cứng đường kính 4.5mm Yêu cầu: cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa .		Cái	80	370.000	29.600.000	24	8.880.000

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền tùy chọn mua thêm (VNĐ)
54.2	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	Vít xương cứng đường kính vít 4.5mm. Chất liệu thép không gỉ. Chiều dài vít từ 22mm đến 40mm với bước tăng 2mm. Yêu cầu: cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa .		Cái	560	43.000	24.080.000	168	7.224.000
55	**Bộ nẹp tăng áp bản hẹp loại 2**			**Bộ**			**175.600.000**	-	**52.680.000**
55.1	Nẹp tăng áp bản hẹp	Nẹp tăng áp bản hẹp. Chất liệu thép không gỉ. Có tối thiểu 5 cỡ nằm trong khoảng từ 6 lỗ đến 14 lỗ tương thích với vít xương cứng đường kính 4.5mm Yêu cầu: cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa.	Châu Âu	Cái	80	995.000	79.600.000	24	23.880.000
55.2	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	Vít xương cứng đường kính vít 4.5mm. Chất liệu thép không gỉ. Chiều dài vít có tối thiểu 10 cỡ nằm trong khoảng từ 22mm đến 50mm. Yêu cầu: cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa.	Châu Âu	Cái	640	150.000	96.000.000	192	28.800.000
56	**Bộ vít xốp rỗng nòng**			**Bộ**			**1.300.000.000**	-	**390.000.000**
56.1	Vít xốp rỗng nòng, thân có 1 phần ren	Vít xốp rỗng nòng thân có 1 phần ren. Chất liệu Titanium hoặc hợp kim Titanium. Có 2 loại đường kính - Đường kính 4.0mm hoặc 4.5mm: Chiều dài tối thiểu 7 cỡ trong khoảng từ 30mm đến 70mm - Đường kính 6.5mm: Chiều dài tối thiểu 12 cỡ trong khoảng từ 40mm đến 100mm		Cái	1.000	1.100.000	1.100.000.000	300	330.000.000
56.2	Vòng đệm	Vòng đệm. Chất liệu Titanium hoặc hợp kim Titanium. Tương thích với vít xốp rỗng nòng thân có 1 phần ren		Cái	1.000	200.000	200.000.000	300	60.000.000
57	Bộ ghim và kìm tháo ghim khâu da đầu			**Bộ**			**56.520.000**	-	**16.896.000**

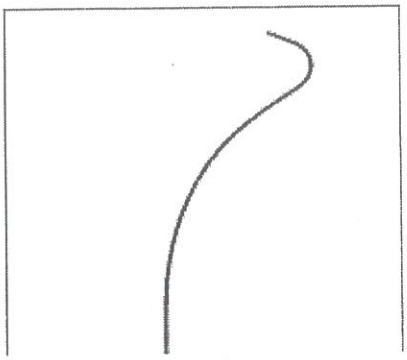
STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền tùy chọn mua thêm (VNĐ)
57.1	Ghim khâu da đầu	Dụng cụ khâu vết rạch trên da, sử dụng sau phẫu thuật để đóng vết thương. chất liệu bằng thép không gỉ. Gồm ≥ 35 ghim/cái. Kích thước 6.5mm (±10%) x 4.0mm (±10%). Đạt tiêu chuẩn CE (Châu Âu).		Cái	400	139.800	55.920.000	120	16.776.000
57.2	Kìm tháo ghim	Kìm tháo ghim khâu da đầu, tương thích với ghim khâu da đầu.		Cái	5	120.000	600.000	1	120.000
Bằng chữ: Ba mươi tỷ sáu trăm ba mươi chín triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng./. (Giá trên đã bao gồm thuế GTGT, phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có))							**30.639.140.000**		**8.975.121.500**

Danh mục hình ảnh minh họa

Đính kèm Quyết định số 1525 /QĐ-BVĐKXP ngày 08 tháng 9 năm 2026



Hình 1



Hình 2

PHỤ LỤC II

Danh mục chi tiết Gói thầu số 20: Mua chỉ phẫu thuật không tiêu

Đính kèm Quyết định số: 4525 /QĐ-BVĐKXP ngày 08 tháng 9 năm 2026

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất Xứ	Mã Ký hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Chỉ không tiêu đơn sợi polypropylene số 2/0 (2 kim)	Chỉ không tiêu đơn sợi polypropylene số 2/0. Thành phần: Polypropylene. Chỉ dài ≥ dài 90cm. Hai kim tròn 1/2 vòng tròn, đầu cắt, dài 26mm(± 1mm). Kim được làm bằng thép không gỉ, phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ). Đóng gói đơn sợi	Bỉ	5300525-2	SMI AG	SMI AG	Sợi	2.556	48.850	124.860.600
2	Chỉ không tiêu đơn sợi polypropylene số 3/0	Chỉ không tiêu đơn sợi polypropylene số 3/0. Thành phần: Polypropylene. Chỉ dài ≥ 90cm. Hai kim tròn 1/2 vòng tròn, đầu tròn, dài 26mm(± 1mm). Kim được làm bằng thép không gỉ, phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ). Đóng gói đơn sợi	Bỉ	5200125-2	SMI AG	SMI AG	Sợi	1.584	38.500	60.984.000
3	Chỉ không tiêu đơn sợi polypropylene số 5/0 (kim đầu cắt, dài 17mm)	Chỉ không tiêu đơn sợi polypropylene số 5/0. Thành phần: Polypropylene. Chỉ dài ≥ 90cm. Hai kim tròn 1/2 vòng tròn, đầu cắt, dài 17mm(± 1mm). Kim được làm bằng hợp kim có chứa titan và Molypden, có độ bền kéo ≥ 2500Mpa, phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn CE (Châu Âu), FDA (Mỹ). Đóng gói đơn sợi	Mỹ	8934H	PROLENE	Ethicon, LLC	Sợi	432	150.967	65.217.744
4	Chỉ không tiêu đơn sợi polypropylene số 5/0 (kim đầu tròn, dài 13mm)	Chỉ không tiêu đơn sợi polypropylene số 5/0. Thành phần: Polypropylene. Chỉ dài ≥ 75cm. Hai kim tròn 1/2 vòng tròn đầu, tròn, dài 13mm(± 1mm). Kim được làm bằng hợp kim có chứa titan, Molypden, có độ bền kéo ≥ 2500Mpa, phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn CE (Châu Âu), FDA (Mỹ). Đóng gói đơn sợi	Mỹ	W8710	PROLENE	Ethicon, LLC	Sợi	216	151.025	32.621.400

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất Xứ	Mã Ký hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
5	Chỉ không tiêu đơn sợi polypropylene số 6/0	Chỉ không tiêu đơn sợi polypropylene số 6/0. Thành phần: Polypropylene. Chỉ dài ≥ 60cm. Hai kim tròn 3/8 vòng tròn, đầu tròn, dài 11mm(± 1mm). Kim được làm bằng hợp kim có chứa titan, Molypden, có độ bền kéo ≥ 2500Mpa, phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn CE (Châu Âu), FDA (Mỹ). Đóng gói đơn sợi	Mexico	8610H	PROLENE	Ethicon, Inc.	Sợi	252	154.233	38.866.716
6	Chỉ không tiêu đơn sợi polypropylene số 7/0	Chỉ không tiêu đơn sợi polypropylene số 7/0. Thành phần: Polypropylene. Chỉ dài ≥ 60cm. Hai kim tròn 3/8 vòng tròn, đầu cắt, dài 10mm(± 1mm), Kim được làm bằng hợp kim có chứa titan, Molypden, có độ bền kéo ≥ 2500Mpa, phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn CE (Châu Âu), FDA (Mỹ). Đóng gói đơn sợi	Mexico	W8801	PROLENE	Ethicon, Inc.	Sợi	468	198.100	92.710.800
7	Chỉ không tiêu đơn sợi polypropylene số 8/0 (đầu cắt)	Chỉ không tiêu đơn sợi polypropylene số 8/0. Thành phần: Polypropylene. Chỉ dài ≥ 60cm. Hai kim tròn 3/8 vòng tròn, đầu cắt, dài 9mm(± 1mm). Kim được làm bằng hợp kim có chứa titan, Molypden, có độ bền kéo ≥ 2500Mpa, phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và FDA (Mỹ). Đóng gói đơn sợi	Mexico	W8703	PROLENE	Ethicon, Inc.	Sợi	216	226.975	49.026.600
8	Chỉ không tiêu đơn sợi polyamide số 1	Chỉ không tiêu đơn sợi polyamide số 1. Thành phần: Polyamide, sợi dài ≥ 75cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn, dài 30mm(± 1mm), làm bằng thép không gỉ, phủ silicon. Đóng gói đơn sợi	Bỉ	9401530	SMI AG	SMI AG	Sợi	1.700	21.000	35.700.000
9	Chỉ không tiêu đơn sợi polyamide số 2/0	Chỉ không tiêu đơn sợi polyamide số 2/0. Thành phần: Polyamide, sợi dài ≥ 75cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn, dài 25mm(± 1mm), làm bằng thép không gỉ, phủ silicon. Đóng gói đơn sợi	Bỉ	9301524	SMI AG	SMI AG	Sợi	25.000	19.000	475.000.000

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất Xứ	Mã Ký hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
10	Chỉ không tiêu đơn sợi polyamide số 3/0	Chỉ không tiêu đơn sợi polyamide số 3/0. Thành phần Polyamide, sợi dài ≥ 75cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn, dài 25mm(± 1mm), làm bằng thép không gỉ, phủ silicon. Đóng gói đơn sợi	Bỉ	9201524	SMI AG	SMI AG	Sợi	24.500	19.000	465.500.000
11	Chỉ không tiêu đơn sợi polyamide số 4/0	Chỉ không tiêu đơn sợi polyamide số 4/0. Thành phần Polyamide, sợi dài ≥ 75cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 19mm(± 1mm), làm bằng thép không gỉ, phủ silicon. Đóng gói đơn sợi	Bỉ	9151519	SMI AG	SMI AG	Sợi	6.500	19.000	123.500.000
12	Chỉ không tiêu đơn sợi polyamide số 5/0	Chỉ không tiêu đơn sợi polyamide số 5/0. Thành phần: Polyamide, sợi dài ≥ 75cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 16mm(± 1mm), làm bằng thép không gỉ, phủ silicon. Đóng gói đơn sợi	Bỉ	9101516	SMI AG	SMI AG	Sợi	600	21.000	12.600.000
13	Chỉ không tiêu đơn sợi polyamide số 6/0	Chỉ không tiêu đơn sợi polyamide số 6/0. Thành phần: Polyamide, sợi dài ≥ 45cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 12mm(± 1mm), làm bằng thép không gỉ, phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và FDA (Mỹ). Đóng gói đơn sợi	Tây Ban Nha	C0932060	Dafilon	B. Braun Surgical S.A	Sợi	4.800	34.650	166.320.000
	Bằng chữ: một tỷ bảy trăm bốn mươi hai triệu chín trăm lẻ bảy nghìn tám trăm sáu mươi đồng chẵn./. (Giá trên đã bao gồm thuế GTGT, phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có))									**1.742.907.860**